

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 3813/2023/KDTM-ST

Ngày: 21-9-2023

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Nguyên Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Chu Mạnh Tường

2/ Bà Phan Thị Mai Hương

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Giang, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Cao Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2022/TLST-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2022, về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4398/2023/QĐXXST-KDTM ngày 24/7/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 5482/2023/QĐST-KDTM ngày 24/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn T

Trụ sở: Thửa đất số 1083, tờ bản đồ số 19, Ấp A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hữu T1, sinh năm 1981.

Cư trú: Số 45N/6 đường K, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Dương (có mặt).

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn gồ P

Trụ sở: 19 đường M, phường N, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Huỳnh Lan, sinh năm 1977

Cư trú: 1305/9 đường V, khu phố X, phường Y, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 12 năm 2022 và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T ông Lê Hữu T1 trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án:

Ngày 01/6/2022 giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn T (gọi tắt là công ty T) và Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P (gọi tắt là công ty P) có ký hợp đồng nguyên tắc số 002.2022/HĐNT/TT-ĐMP. Nội dung hợp đồng Công ty P đồng ý mua các sản phẩm sơn, phụ liệu sơn cho ngành chế biến gỗ của Công ty T theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và theo mẫu đã gửi cho Công ty P. Công ty P gửi đơn hàng cho công ty T với số lượng và đơn giá cụ thể trước 5 ngày. Đơn giá phụ thuộc vào từng thời điểm của từng đơn hàng mà hai bên đã thống nhất. Công ty T giao hàng theo nhu cầu của công ty P và phải báo cho công ty P trước 5 ngày. Giá trị thanh toán là T1 bộ số tiền công ty P phải trả cho công ty T, căn cứ vào hóa đơn tài chính của công ty T xuất cho công ty P tương ứng với số lượng hàng hóa thực tế mà công ty P nhận được theo biên bản giao nhận có chữ ký xác nhận của công ty P. Thời hạn thanh toán, chốt công nợ vào ngày 25 tây hàng tháng. Thanh toán vào ngày 15 tây của tháng kế tiếp kể từ ngày chốt công nợ. Thực hiện hợp đồng nguyên tắc, Công ty T đã thực hiện việc giao hàng theo các đơn đặt hàng mà Công ty P yêu cầu theo các phiếu xuất kho, công ty P đã xác nhận nhận hàng tại địa chỉ 19 Nguyễn Xiển, phường Trường Thạnh, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 29/6/2022 Công ty T đã gửi bảng công nợ tháng 6/2022 cho công ty P, số tiền mà Công ty P phải thanh toán cho Công ty T là 255.904.000 đồng. Ngày 29/7/2022 Công ty T đã gửi bảng công nợ tháng 7/2022 cho công ty P, số tiền mà Công ty P phải thanh toán cho Công ty T là 174.564.500 đồng. Ngày 31/8/2022 Công ty T đã gửi bảng công nợ tháng 6/2022 cho công ty P, số tiền mà Công ty P phải thanh toán cho Công ty T là 146.762.000 đồng. Tổng cộng, số tiền mua hàng hóa mà Công ty P chưa thanh toán cho công ty T là 577.230.500 đồng. Mặc dù Công ty T đã nhiều lần yêu cầu Công ty P thanh toán số tiền mua hàng còn nợ nhưng Công ty P không thanh toán, ngày 08/12/2022 Công ty T đã gửi thông báo cho công ty P yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền nhưng đến nay vẫn không thanh toán số tiền nợ mua hàng. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng nguyên tắc số 002.2022/HĐNT/TT-ĐMP ngày 01/6/2022. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T số tiền mua hàng còn nợ là 577.230.500 đ (Năm trăm bảy mươi bảy triệu hai trăm ba mươi ngàn năm trăm đồng) theo hợp đồng nguyên tắc số 002.2022/HĐNT/TT-ĐMP ngày 01/6/2022. Nguyên đơn tự nguyện không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm thanh toán.

Tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hữu T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng nguyên tắc số 002.2022/HĐNT/TT-ĐMP ngày 01/6/2022 được ký kết giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P phải thanh toán cho Công ty Trách

nhiệm hữu hạn T số tiền mua bán hàng hóa chưa thanh toán là 576.330.500 đ (Năm trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn năm trăm đồng), thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, về tiền lãi Công ty Trách nhiệm hữu hạn T tự nguyện không yêu cầu.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P và người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Nguyễn Huỳnh Lan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hủy hợp đồng nguyên tắc số 002.2022/HĐNT/TT-ĐMP ngày 01/6/2022 được ký kết giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T số tiền mua bán hàng hóa chưa thanh toán là 576.330.500 đ (Năm trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn năm trăm đồng). Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T về việc thanh toán số tiền 900.000 đ (Chín trăm ngàn đồng) đối với sản phẩm chống mốc và yêu cầu tính lãi đối với số tiền 576.330.500 đ (Năm trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn năm trăm đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hủy hợp đồng nguyên tắc số 002.2022/HĐNT/TT-ĐMP ngày 01/6/2022 được ký kết giữa nguyên đơn với bị đơn và yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền mua hàng hóa còn nợ cho nguyên đơn thì tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P có trụ sở tại địa chỉ 19 đường M, phường N, thành phố Z, Thành phố Hồ Chí Minh là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố

Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P và người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Nguyễn Huỳnh Lan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Căn cứ hợp đồng nguyên tắc số 002.2022/HĐNT/TT-ĐMP ngày 01/6/2022 về việc mua bán hàng hóa là các sản phẩm sơn, phụ liệu sơn cho ngành chế biến gỗ được ký kết giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P, có nội dung Công ty T đồng ý bán và Công ty P đồng ý mua các sản phẩm sơn, phụ liệu sơn cho ngành chế biến gỗ với chất lượng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, theo mẫu đã gửi cho bên mua. Số lượng mua bán theo từng đơn đặt hàng.

Căn cứ vào bảng công nợ tháng 6/2022, hóa đơn giá trị gia tăng số 0000057 ngày 29/6/2022 và các phiếu xuất kho ngày 31/5/2022; ngày 02/6/2022; ngày 07/6/2022; ngày 14/6/2022; ngày 20/6/2022; ngày 25/6/2022 có cơ sở xác định nguyên đơn đã thực hiện việc giao hàng cho bị đơn theo các đơn đặt hàng do bị đơn đặt với giá trị hàng hóa là 255.904.000 đồng. Tuy nhiên, đối với 10 kg sản phẩm chống mốc do nguyên đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ về việc giao hàng và tại phiên tòa nguyên đơn cũng rút yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 900.000 đồng (10 kg sản phẩm chống mốc) nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Mặt khác đối với sản phẩm NC bóng 30%, tại các phiếu xuất kho mà nguyên đơn cung cấp thì số lượng hàng hóa này đã giao cho bị đơn là 1.000 kg, nhưng tại bảng công nợ tháng 6/2022, hóa đơn giá trị gia tăng số 0000057 ngày 29/6/2022 thì chỉ tính 900 kg. Tại phiên tòa nguyên đơn cũng chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán cho số lượng 900 kg là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn. Do đó số tiền mà bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn trong tháng 6 năm 2022 là 255.004.000 đồng.

Căn cứ vào bảng công nợ tháng 7/2022, hóa đơn giá trị gia tăng số 0000067 ngày 29/7/2022 và các phiếu xuất kho ngày 30/6/2022; ngày 14/7/2022 và ngày 27/7/2022 có cơ sở xác định nguyên đơn đã thực hiện việc giao hàng cho bị đơn theo các đơn đặt hàng do bị đơn đặt với giá trị hàng hóa là 174.564.500 đồng.

Căn cứ vào bảng công nợ tháng 8/2022, hóa đơn giá trị gia tăng số 0000078 ngày 31/8/2022 và các phiếu xuất kho ngày 04/8/2022; ngày 16/8/2022; ngày 24/8/2022 và ngày 27/8/2022 có cơ sở xác định nguyên đơn

đã thực hiện việc giao hàng cho bị đơn theo các đơn đặt hàng do bị đơn đặt với giá trị hàng hóa là 146.762.000 đồng.

Tổng số tiền mà bị đơn chưa thanh toán cho nguyên đơn là 576.330.500 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P cũng như người đại diện theo pháp luật của bị đơn bà Nguyễn Huỳnh Lan đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định nhưng không đến Tòa án và không có ý kiến cũng như không cung cấp các tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc đã thanh toán tiền mua hàng cho nguyên đơn. Vì vậy, bị đơn đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là vi phạm Điều 50 Luật thương mại năm 2005 (đã sửa đổi năm 2017, 2019) nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán số tiền mua hàng chưa thanh toán là 576.330.500 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hữu T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tính lãi đối với số tiền 576.330.500 đồng. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tính lãi đối với số tiền 576.330.500 đồng.

Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy có cơ sở chấp nhận T1 bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hủy hợp đồng nguyên tắc số 002.2022/HĐNT/TT-ĐMP ngày 01/6/2022 được ký kết giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T số tiền 576.330.500 đ (Năm trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn năm trăm đồng). Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T về việc thanh toán số tiền 900.000 đ (Chín trăm ngàn đồng) đối với sản phẩm chống mốc và yêu cầu tính lãi đối với số tiền 576.330.500 đ (Năm trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn năm trăm đồng).

[3] Án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí mà Công ty Trách nhiệm hữu hạn T đã nộp theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu ý kiến đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, đúng quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 3 Điều 144; Khoản 1 Điều 147; điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ Luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24, 50, 306, 312 và Điều 314 Luật Thương mại năm 2005 (đã sửa đổi năm 2017, 2019);

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn T;

Hủy hợp đồng nguyên tắc số 002.2022/HĐNT/TT-ĐMP ngày 01/6/2022 được ký kết giữa Công ty Trách nhiệm hữu hạn T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P phải thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn T số tiền 576.330.500 đ (Năm trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn năm trăm đồng). Thực hiện ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi Công ty Trách nhiệm hữu hạn T có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P chưa thi hành, thì hàng tháng Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P còn phải chịu thêm tiền lãi trên số tiền chậm trả, theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn T về việc thanh toán số tiền 900.000 đ (Chín trăm ngàn đồng) đối với sản phẩm chống mốc và yêu cầu tính lãi đối với số tiền 576.330.500 đ (Năm trăm bảy mươi sáu triệu ba trăm ba mươi ngàn năm trăm đồng).

2. Án phí: Công ty Trách nhiệm hữu hạn gỗ P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 27.053.220 đ (Hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi ba ngàn hai trăm hai mươi đồng) nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 13.584.610 đ (Mười ba triệu năm trăm tám mươi bốn ngàn sáu trăm mười đồng) cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn

T theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0007567 ngày 29/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.Thủ Đức;
- CCTHADS TP.Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Nguyên Hà